

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/KDTM-ST

Ngày: 24 - 9- 2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Châu

2. Ông Huỳnh Phước

-Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thúc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2019/TLST-KDTM, ngày 07 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2019/QĐXXST - KDTM ngày 12 ngày 8 tháng 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2019/QĐST- KDTM ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng NN

Trụ sở: Số 02, đường LH, phường TC, Quận BĐ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thúy Ng, sinh năm 198X; Chức vụ: Trưởng phòng KHKD của Ngân hàng NN – Chi nhánh BX Sóc Trăng, theo giấy ủy quyền số 327/UQ.NHNo.BX ngày 10/9/2019 (có mặt).

Địa chỉ: Số 11 đường L2, khóm L4, phường L6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Tuyết Nh, sinh năm 197X (có mặt)

Địa chỉ: Số T/T1, đường THĐ, khóm T7, phường T3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năm 2019 của nguyên đơn là Ngân hàng NN và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thúy Ng đều trình bày:

Nguyên vào ngày 30 tháng 5 năm 2017 bà Huỳnh Thị Tuyết Nh có vay của Ngân hàng NN Chi nhánh 3 Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền là: 220.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm (lãi suất nợ quá hạn là 18%/năm) dùng vào mục đích: Mua Ô tô tải; thời hạn cho vay tối đa 60 tháng, mỗi tháng trả gốc 3.700.000 đồng + lãi phát sinh (theo Hợp đồng tín dụng số 7611LAV201700441/HĐTD ngày 30 tháng 5 năm 2017 có kèm phụ lục hợp đồng tín dụng và kỳ hạn trả nợ). Trong quá trình vay bà Nh có trả cho Ngân hàng được 04 lần với số tiền vốn gốc là 27.700.000 đồng và đã đóng lãi đến ngày 31/12/2017 cho Ngân hàng với số tiền là 15.141.599 đồng và từ đó đến nay bà Nh chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn và tiền lãi cho Ngân hàng.

Đồng thời khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 7611LAV201700441/HĐTD ngày 30 tháng 5 năm 2017 được bảo đảm bằng tài sản là Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007361 biển số 83C – 053.89 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25/5/2017 cho bà Huỳnh Thị Tuyết Nh và được Văn phòng công chứng TVN tỉnh Sóc Trăng công chứng việc thế chấp để đảm bảo số nợ vay trên (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 262/HĐTC ngày 30/5/2017).

Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ đến hạn, gửi giấy mời bà Huỳnh Thị Tuyết Nh đến trụ sở làm việc nhưng bà Nh đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 232.811.200 đồng (trong đó tiền vốn vay là 192.300.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 24/9/2019 là 40.511.200 đồng cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đến ngày trả tất nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp bà Nh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu Thaco; biển số 83C-053.89 được Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007361 ngày 25/5/2017 cho bà Huỳnh Thị Tuyết Nh để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 262/HĐTC ngày 30/5/2017.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn là bà Huỳnh Thị Tuyết Nh đều trình bày:

Vào ngày 30 tháng 5 năm 2017, bị đơn có ký Hợp đồng tín dụng số 7611LAV201700441/HĐTD ngày 30 tháng 5 năm 2017 có kèm phụ lục hợp đồng tín dụng và kỳ hạn trả nợ. Theo hợp đồng Ngân hàng cho bị đơn vay số tiền 220.000.000 đồng; lãi suất 12%/năm (lãi suất nợ quá hạn là 18%/năm) dùng vào mục đích: Mua Ô tô tải; thời hạn cho vay tối đa 60 tháng, mỗi tháng trả gốc

3.700.000 đồng + lãi phát sinh. Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên của Ngân hàng, bị đơn đã nhận đủ số tiền 220.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân và để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 7611LAV201700441/HĐTD ngày 30 tháng 5 năm 2017 bị đơn có cùng với Ngân hàng ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 262/HĐTC ngày 30 tháng 5 năm 2017, theo hợp đồng thế chấp thì bị đơn đã dùng tài sản là 01 xe ô tô tải nhãn hiệu: Thaco, màu xanh, năm sản xuất 2017, số máy J2771034, số khung 40AKHC032982, tải trọng 1900kg, loại xe: Tải có mui, số chỗ ngồi 03, biển số 83C-053.89 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007361 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho bị đơn vào ngày 25/5/2017 và hợp đồng thế chấp nêu trên đã được Văn phòng công chứng TVN tỉnh Sóc Trăng công chứng việc thế chấp để đảm bảo số nợ vay trên (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 262/HĐTC ngày 30/5/2017). Từ khi vay tiền đến nay, bị đơn có trả tiền vốn và tiền lãi cho Ngân hàng, bị đơn không nhớ rõ đã đóng cho nguyên đơn mấy lần nhưng bị đơn thống nhất với số tiền vốn đã đóng là 27.700.000 đồng và đã đóng tiền lãi đến ngày 31/12/2017 với số tiền là 15.141.599 đồng. Tổng cộng bị đơn đã đóng tiền vốn và tiền lãi cho nguyên đơn với số tiền là 42.841.599 đồng.

Nay nguyên đơn là Ngân hàng NN yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 192.300.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày hôm nay với số tiền là 40.511.200 đồng, nhưng hiện nay do hoàn cảnh của bị đơn đang gặp khó khăn, bị đơn xin nguyên đơn bớt số tiền lãi tính đến ngày hôm nay là 40.511.200 đồng. Bị đơn đồng ý trả số tiền vốn gốc là 192.300.000 đồng, nhưng xin được trả dần theo kỳ hạn quy định tại hợp đồng.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn là Huỳnh Thị Tuyết Nh không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án tham dự phiên tòa vào ngày 05 tháng 9 năm 2019 là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN, xử buộc Huỳnh Thị Tuyết Nh phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay còn thiếu lại. Trong đó, tiền nợ gốc là 192.300.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 24 tháng 9 năm 2019 với số tiền là 40.511.200 đồng. Tổng cộng tiền vốn gốc và tiền lãi là 232.811.200 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Đền hạn trả nợ mà bị đơn Nh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 262/HĐTC ngày 30 tháng 5 năm 2017 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thúy Ng là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng NN là nguyên đơn yêu cầu bà Huỳnh Thị Tuyết Nh trả số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết và thực hiện, mục đích vay mua xe ô tô tải hiệu Thaco. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, cụ thể: Ngày ngày 30 tháng 5 năm 2017 các bên đương sự có ký Hợp đồng tín dụng – dùng cho Khách hàng là hộ gia đình, cá nhân số 7611LAV201700441/HĐTD ngày 30 tháng 5 năm 2017 có kèm phụ lục hợp đồng tín dụng và kỳ hạn trả nợ thì bị đơn Nh có vay của Ngân hàng NN Chi nhánh B3 Sóc Trăng với số tiền là 220.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, mỗi tháng trả tiền gốc là 3.700.000 đồng + tiền lãi phát sinh. Lãi suất vay là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 18%/năm. Mục đích vay là mua xe tải. Trong quá trình vay tiền thì bị đơn không thanh toán tiền vốn và tiền lãi cho nguyên đơn theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng mà các đã ký kết.

Tính đến ngày 24 tháng 9 năm 2019, bà Nh còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc 192.300.000 đồng và tiền lãi được tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 24/9/2019 là 40.511.200 đồng và nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 232.811.200 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng – dùng cho Khách hàng là hộ gia đình, cá nhân số 7611LAV201700441/HĐTD ngày 30 tháng 5 năm 2017. Theo đó, Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án Hợp đồng tín dụng – dùng cho Khách hàng là hộ gia đình, cá nhân số 7611LAV201700441/HĐTD ngày 30 tháng 5 năm 2017 có kèm phụ lục hợp đồng tín dụng và kỳ hạn trả nợ giữa Ngân hàng với bên vay là bà Huỳnh Thị Tuyết Nh. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 và Khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh” nên Hội đồng xét xử công nhận thực tế giữa Ngân hàng NN và bị đơn Huỳnh Thị Tuyết Nh có giao kết Hợp đồng tín dụng – dùng

cho Khách hàng là hộ gia đình, cá nhân số 7611LAV201700441/HĐTD ngày 30 tháng 5 năm 2017 có kèm phụ lục hợp đồng tín dụng và kỳ hạn trả nợ, hợp đồng tín dụng nêu trên có giá trị pháp lý và buộc các bên đương sự phải thực hiện.

[3] Bị đơn Huỳnh Thị Tuyết Nh thừa nhận vào ngày 30/5/2017 bị đơn có ký Hợp đồng tín dụng – dùng cho Khách hàng là hộ gia đình, cá nhân số 7611LAV201700441/HĐTD và Hợp đồng thế chấp tài sản số 262/HĐTC và đã được nguyên đơn giải ngân vào ngày 30/5/2017, trong quá trình vay bị đơn có trả cho nguyên đơn được số tiền vốn vay và tiền lãi với số tiền là 42.841.599 đồng (tiền vốn là 27.700.000 đồng và tiền lãi là 15.141.599 đồng) Tính đến ngày 24/9/2019 bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền vốn của Hợp đồng tín dụng – dùng cho Khách hàng là hộ gia đình, cá nhân số 7611LAV201700441/HĐTD với số tiền tổng cộng là 232.811.200 đồng, gồm tiền vốn là 192.300.000 đồng và lãi là 40.511.200 đồng. Nhưng hiện nay do hoàn cảnh của bị đơn đang gặp khó khăn bị đơn xin nguyên đơn bớt tiền lãi tính đến ngày hôm nay là 40.511.200 đồng. Bị đơn đồng ý trả số tiền vốn gốc là 192.300.000 đồng, nhưng xin được trả dần theo kỳ hạn quy định của hợp đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thúy Ng không đồng ý, bớt tiền lãi và cho bị đơn trả dần số tiền nêu trên vì từ khi Tòa án hòa giải đến nay bị đơn không có trả cho ngân hàng khoản tiền vốn và tiền lãi nào. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận với yêu cầu xin trả chậm của bị đơn Nh.

[4] Theo Hợp đồng tín dụng – dùng cho Khách hàng là hộ gia đình, cá nhân số 7611LAV201700441/HĐTD ngày 30 tháng 5 năm 2017 có kèm phụ lục hợp đồng tín dụng và kỳ hạn trả nợ thì bà Nh có vay của Ngân hàng số tiền là 220.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, mỗi tháng trả tiền gốc là 3.700.000 đồng + tiền lãi phát sinh. Lãi suất vay là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 18%/năm. Mục đích vay là mua xe tải. Các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà Nh đã không thực hiện việc trả tiền vốn và lãi vay theo đúng thỏa thuận, cụ thể sau khi vay bà Nh chỉ trả số tiền 27.700.000 đồng tiền vốn, trả tiền lãi đến ngày 31/12/2017 với số tiền là 15.141.599 đồng, sau đó thì không trả nữa. Nay Ngân hàng yêu cầu bà Nh phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 192.300.000 đồng và tiền lãi được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 24 tháng 9 năm 2019 là 40.511.200 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 232.811.200 đồng.

[5] Xét thấy, Theo Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật” và Khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “ Bên vay tài sản

là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn” và trong Hợp đồng tín dụng – dùng cho Khách hàng là hộ gia đình, cá nhân số 7611LAV201700441/HĐTD ngày 30 tháng 5 năm 2017 có kèm phụ lục hợp đồng tín dụng và kỳ hạn trả nợ thì hai bên cũng đã thỏa thuận bên vay là bà Nh có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất đầy đủ, đúng hạn. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Nh đã không thực hiện đúng nghĩa vụ như đã cam kết, cụ thể đến hạn trả nợ, bà Nh đã nhận tiền vay của Ngân hàng số tiền là 220.000.000 đồng nhưng đến nay bà Nh mới trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay 27.700.000 đồng, còn lại 192.300.000 đồng và bà Nh đã trả được tiền lãi tính đến ngày 31/12/2017 là 15.141.599 đồng, còn lại là 40.511.200 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 232.811.200 đồng. Như vậy, bà Nh đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn và tiền lãi theo thỏa thuận nên đã vi phạm vào Điều 4 Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Vì vậy, cần buộc bà Nh có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 232.811.200 đồng (trong đó, tiền vốn là 192.300.000 đồng, tiền lãi là 40.511.200 đồng).

Kể từ ngày 25/9/2019, bà Nh còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Nh phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng NN cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng NN.

[6] Xét hợp đồng thế chấp tài sản số 262/HĐTC ngày 30 tháng 5 năm 2017 giữa Ngân hàng với bà Nh thì thấy, theo hợp đồng bà Nh đã dùng tài sản là 01 xe ô tô tải nhãn hiệu: Thaco, màu xanh, năm sản xuất 2017, số máy J2771034, số khung 40AKHC032982, tải trọng 1900kg, loại xe: Tải có mui, số chỗ ngồi 03, biển số 83C-053.89 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007361 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Nh vào ngày 25/5/2017 thì thấy, hình thức và nội dung của hợp đồng thế chấp trên phù hợp với quy định của pháp luật và việc thế chấp có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, nguyên đơn yêu cầu nếu bà Huỳnh Thị Tuyết Nh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô tải nhãn hiệu: Thaco, màu xanh, năm sản xuất 2017, số máy J2771034, số khung 40AKHC032982, tải trọng 1900kg, loại xe: Tải có mui, số chỗ ngồi 03, biển số 83C-053.89 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007361 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Nh vào ngày 25/5/2017 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 262/HĐTC ngày 30 tháng 5 năm 2017 để Ngân hàng thu hồi nợ là có căn cứ nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu; bà Huỳnh Thị Tuyết Nh phải chịu 11.640.560 đồng theo Điều 147 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN:

1. Buộc bà Huỳnh Thị Tuyết Nh có trách nhiệm trả cho Ngân hàng NN số tiền vốn và tiền lãi là 232.811.200 đồng (trong đó tiền vốn là 192.300.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 24/9/2019 là 40.511.200 đồng) còn nợ theo Hợp đồng tín dụng – dùng cho Khách hàng là hộ gia đình, cá nhân số 7611LAV201700441/HĐTD ngày 30 tháng 5 năm 2017 có kèm phụ lục hợp đồng tín dụng và kỳ hạn trả nợ của Ngân hàng NN.

2. Kể từ ngày 25/9/2019, bà Huỳnh Thị Tuyết Nh còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Huỳnh Thị Tuyết Nh phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng NN cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng NN.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng NN có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Huỳnh Thị Tuyết Nh không thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng NN có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải nhãn hiệu: 01 xe ô tô tải nhãn hiệu: Thaco, màu xanh, năm sản xuất 2017, số máy J2771034, số khung 40AKHC032982, tải trọng 1900kg, loại xe: Tải có mui, số chỗ ngồi 03, biển số 83C-053.89 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007361 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Nh vào ngày 25/5/2017 theo hợp đồng thế chấp tài sản 262/HĐTC ngày 30 tháng 5 năm 2017 để Ngân hàng thu hồi nợ.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Tuyết Nh phải chịu là 11.640.560 đồng. Ngân hàng NN không phải chịu; trả lại cho Ngân hàng NN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.610.300 đồng theo biên lai số 0007741 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

5. Ngân hàng NN và bà Huỳnh Thị Tuyết Nh có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND Tp Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Tp Sóc Trăng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ